

VÀI NÉT VỀ ĐẢNG CẦM QUYỀN VÀ ĐẢNG THAM CHÍNH Ở TRUNG QUỐC HIỆN NAY

TS. NGUYỄN MINH TUẤN

*Học viện Chính trị
Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh*

Dảng Cộng sản Trung Quốc ra đời ngày 1-7-1921 tại thành phố Thượng Hải. Sự phát triển của ĐCS Trung Quốc có thể chia làm 3 giai đoạn: *Giai đoạn 1*: 1921-1949 (28 năm), chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức, dựa chủ yếu vào nông dân vũ trang giành chính quyền; *giai đoạn 2*: 1949-1978 (30 năm), xây dựng CNXH và rơi vào tình trạng khủng hoảng toàn diện sau “Đại cách mạng văn hoá”; *giai đoạn 3*: 1978 - đến nay (hơn 30 năm), cải cách, mở cửa, đạt được những thành tựu to lớn về kinh tế - xã hội.

Thực tiễn đã minh chứng con đường cải cách xuất phát từ thực tiễn và tuân thủ những nguyên tắc cải cách là yếu tố quan trọng nhất để Đảng giữ vững vai trò lãnh đạo đất nước. Cho dù có những sai lầm trong cách mạng văn hoá, cuộc nổi loạn hơn 10 năm (1966 - 1977) dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội nhưng không có nghĩa là thừa nhận chủ nghĩa tư bản. Cho dù đoạn tuyệt với cơ chế quản lý kinh tế “tập trung, bao cấp” nhưng không có nghĩa là đi theo kinh tế thị trường TBCN vì lợi

nhuận bằng mọi giá. Và, cho dù có lúc sùng bái lãnh tụ, tập trung quyền lực dẫn đến độc đoán nhưng không có nghĩa là quy kết nguyên nhân do bản chất của ĐCS để rồi từ bỏ vai trò lãnh đạo, đi theo các đảng phái khác.

Trung Quốc đã và đang thực hiện có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hoá, thông tin hoá, đô thị hoá, thị trường hoá và quốc tế hoá. Nền kinh tế Trung Quốc phát triển với tốc độ cao nhất và trong thời gian dài nhất thế giới (trong suốt hơn 30 năm liên tục), vượt Anh - Đức - Nhật Bản để đứng thứ 2 thế giới. Tuy còn những khó khăn mà Trung Quốc phải tập trung giải quyết do sự phát triển “nóng” như phân hoá giàu nghèo, ô nhiễm môi trường và tình trạng tham nhũng của một bộ phận cán bộ, công chức nhưng những thành tựu to lớn về kinh tế - xã hội mà Trung Quốc đạt được đã tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc.

Một trong những yếu tố quan trọng trong sự lãnh đạo của ĐCS là đã quy tụ

được các đảng phái dân chủ, góp phần giữ vững sự ổn định chính trị, xã hội.

Các đảng phái dân chủ của Trung Quốc đều ra đời từ thời kỳ kháng chiến chống Nhật và thời kỳ chiến tranh giải phóng, là sản phẩm của phong trào yêu nước và dân chủ. ĐCS và các đảng phái dân chủ kết hợp thành một mặt trận thống nhất do ĐCS của giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo. Trong quá trình đấu tranh giành chính quyền, ĐCS dần dần xác lập được địa vị lãnh đạo của mình và lãnh đạo thành công cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Khi trở thành đảng cầm quyền, ĐCS Trung Quốc không chủ trương thực hiện chế độ một đảng và để đảm bảo sự cân bằng và ổn định của chế độ xã hội, Trung Quốc duy trì chế độ nhiều đảng dưới sự lãnh đạo của ĐCS. Như vậy, Trung Quốc không phủ nhận việc tồn tại mâu thuẫn và xung đột mà theo đuổi sự thống nhất trên cơ sở chấp nhận sự khác biệt. Các đảng phái dân chủ có một nền tảng xã hội nhất định, đại diện cho lợi ích của một tầng lớp nhất định trong xã hội. Đây là cơ sở khách quan cho sự tồn tại các đảng phái dân chủ. Do đó, Trung Quốc không giải tán các đảng phái dân chủ, cũng không đồng nhất với các đảng phái dân chủ mà luôn coi các đảng phái dân chủ là lực lượng quan trọng trong mặt trận thống nhất, cần họ tiếp tục phát huy vai trò của mình. Hơn nữa, ĐCS cần sự tồn tại của các đảng phái dân chủ một mặt do yêu cầu nội tại của nền chính trị dân chủ, mặt khác có thể khắc phục được những khiếm khuyết và thiếu hụt của đảng cầm quyền. Chính vì vậy, chế độ

chính đảng ở Trung Quốc là chế độ hợp tác đa đảng và hiệp thương chính trị dưới sự lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc. Sự hợp tác đa đảng dưới sự lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc trở thành một bộ phận cấu thành trong hệ thống chính quyền chuyên chính dân chủ nhân dân.

Chế độ hợp tác đa đảng dưới sự lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc và chế độ hiệp thương chính trị qua Đại hội đại biểu nhân dân được coi là một biểu hiện của “văn minh chính trị” ở Trung Quốc.

Như vậy, hiện tại, ngoài 80 triệu đảng viên của ĐCS còn có khoảng hơn 80 vạn đảng viên của 8 đảng phái dân chủ khác, đó là:

1- Ủy ban Cách mạng Quốc dân Đảng Trung Quốc - Tổ chức liên lạc Đài Loan. Đây là tổ chức đảng ra đời sớm ở Quảng Châu năm 1923 và trong lịch sử đấu tranh cách mạng đã từng 2 lần hợp tác với ĐCS (lần thứ nhất từ tháng 1/1924 - 7/1927; lần thứ hai từ tháng 7/1937 - 8/1945 trong cuộc kháng chiến chống Nhật). Tuy nhiên, do uy tín ĐCS lên cao hơn và sự bất đồng xảy ra khi ĐCS đề xuất thực hiện chế độ hiệp thương dân chủ đã dẫn đến nội chiến xoá bỏ vai trò chính trị của Quốc dân Đảng.

2- Đồng minh Dân chủ Trung Quốc, đại diện cho ngành giáo dục, văn hoá.

3- Hội Kiến quốc Dân chủ Trung Quốc thành lập tháng 12/1954 ở Trùng Khánh, đại diện khối doanh nhân.

4- Hội Xúc tiến Dân chủ Trung Quốc thành lập tháng 12/1945 tại Thượng Hải.

5- Đảng Dân chủ Nông công Trung Quốc thành lập tháng 8/1930 tại Thượng

Hải, đại diện cho ngành y tế, chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

6- Đảng Chí Công Trung Quốc thành lập tháng 10/1925 tại Francisco, đại diện cho Hoa kiều ở Mỹ.

7- Cửu tam học xã (còn gọi là Đảng Chín ba) thành lập tháng 5/1946 ở Trùng Khánh, đại diện cho cán bộ khoa học kỹ thuật cao.

8- Đồng minh Tự trị Dân chủ Đài Loan thành lập tháng 11/1947, đại diện cho người Đài Loan ở Hồng Công.

Chế độ hợp tác nhiều đảng dưới sự lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc có những đặc điểm cơ bản sau đây:

Thứ nhất, các đảng phái chính trị đều tiếp nhận sự lãnh đạo của ĐCS một cách kiên định, không thay đổi.

Đây là đặc điểm nổi bật nhất của chế độ chính đảng ở Trung Quốc.

Tháng 12/1989, Trung ương ĐCS Trung Quốc ban hành văn kiện “Ý kiến về kiên trì và hoàn thiện cơ chế hợp tác đa đảng và hiệp thương chính trị dưới sự lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc” đã xác định rõ vị trí của ĐCS Trung Quốc là đảng cầm quyền, các đảng phái dân chủ là đảng tham chính. Đại hội đại biểu lần thứ XIV của ĐCS Trung Quốc năm 1992 đề ra mục tiêu “Cải cách thể chế chính trị” của Trung Quốc, mục tiêu là xây dựng nền chính trị dân chủ XHCN có đặc sắc Trung Quốc, quyết không phải là thực hiện chế độ đa đảng và chế độ nghị viện của phương Tây. Đó là chế độ hiệp thương chính trị và hợp tác nhiều đảng dưới sự lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc. Năm 1993 tại Đại hội đại

biểu nhân dân Trung Quốc khoá VIII, chế độ hiệp thương chính trị và hợp tác nhiều đảng dưới sự lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc chính thức được đưa vào Hiến pháp. Theo đó, các đảng phái dân chủ có vai trò tham chính là “một tham gia, ba tham dự” (tham gia vào chính quyền nhà nước, hiệp thương ứng cử viên lãnh đạo nhà nước; tham dự vào việc quản lý các công việc của đất nước; tham dự vào việc đề ra và thực thi phương châm, chính sách, pháp luật, pháp quy của nhà nước).

Các đảng phái dân chủ không phải là đảng đối lập và cũng không phải là đảng chống đối. Quan hệ giữa đảng cầm quyền với đảng tham chính không có sự phân chia ra đảng cầm quyền và đảng đối lập, vì cùng có mục tiêu chung sống lâu dài, hợp tác bình đẳng, hiệp thương dân chủ, giám sát lẫn nhau, chứ không phải là quan hệ kiểu tranh giành quyền lực, chèn ép, đấu đá nhau và đều là đại diện của những người lao động xã hội chủ nghĩa.

Các đảng phái dân chủ tự giác thực hiện chức năng của đảng tham chính, kiên trì đến cùng chế độ hiệp thương chính trị, hợp tác đa đảng do ĐCS lãnh đạo, không ngừng nâng cao năng lực trình độ tham chính, nghị chính, giám sát dân chủ. Mục đích là để lĩnh hội sự chỉ đạo của đảng cầm quyền tốt hơn nữa, đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của chế độ chính trị Trung Quốc chứ không phải là biến những thành viên của đảng tham chính thành những nhà Mácxít (trước cách mạng văn hoá, các đảng phái dân chủ đều xác định rõ ràng tính chất của mình là một chính

đảng của giai cấp tư sản và giai cấp tiểu tư sản).

Thứ hai, các đảng phái dân chủ đều lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình, thuyết Ba đại diện và phát triển quan khoa học làm nền tảng tư tưởng.

Để thực hiện đường lối cải cách, về tư tưởng, ĐCS Trung Quốc đã thực sự cầu thị, tất cả phải xuất phát từ thực tế, nắm bắt được quy luật khách quan, luôn khám phá, tìm tòi, sáng tạo và sự thật là đã đạt được những thành tựu to lớn trên lĩnh vực lý luận. Nguyên tắc lớn nhất trong quá trình cải cách mà Trung Quốc đặt ra là kiên trì mục tiêu của CNXH, vận động toàn dân “giương cao ngọn cờ CNXH đặc sắc Trung Quốc”, “phát triển quan khoa học”, “giải phóng tư tưởng”, tạo ra sự phong phú về tư tưởng và phát triển, làm giàu tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Để “tiến cùng thời đại”, bắt nhịp với thời đại, sánh vai các cường quốc, trong quá trình “mở cửa”, Trung Quốc chủ trương “cầu chân vụ thực”, tích cực tiếp cận chân lý và luôn coi thực tiễn là tiêu chuẩn chân lý, “lấy điểm thúc đẩy diện”. Trung Quốc luôn kiên trì kết hợp giữa tính tiên tiến của thời đại với kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Những thành tựu to lớn về kinh tế - xã hội là kết quả của sự kiên trì, phấn đấu bền bỉ, thể hiện quyết tâm rất cao của toàn Đảng, toàn dân, là sự linh hoạt, mềm dẻo trong quá trình nhận thức như “vừa đi vừa tìm đường”, “dò đá qua sông”, “dễ trước, khó sau”, “từ thấp đến cao”, “mạnh dạn làm thử rồi rút kinh nghiệm không tranh

cãi”, “phát triển là đạo lý cuối cùng”, v.v... nhằm mục tiêu lớn nhất là giải phóng và phát triển mạnh mẽ sức sản xuất, đem lại đời sống khá giả cho đa số nhân dân.

Những luận điểm nổi tiếng nêu trên được đúc kết trong quá trình cải cách của ĐCS Trung Quốc đã làm thay đổi nhận thức của toàn xã hội, tạo sức mạnh tinh thần to lớn, góp phần quyết định vào thành quả công cuộc cải cách. Đó còn là sự đóng góp quý báu vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, khẳng định sức sống của một học thuyết đã từng làm thay đổi cả thế giới trong suốt thế kỷ thứ XX. Đến nay, nền tảng tư tưởng của ĐCS Trung Quốc được diễn đạt là: Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình, thuyết “Ba đại diện” và phát triển quan khoa học.

Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông được xác định là nền tảng tư tưởng từ Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VII năm 1945 nhưng Điều lệ Đảng Đại hội VIII năm 1956 theo chỉ thị của Mao Trạch Đông thì chỉ còn nói chủ nghĩa Mác - Lênin. Đến Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX năm 1961 lại đề cao tư tưởng Mao Trạch Đông cho dù cuối đời, những sai lầm của ông đã làm cho đất nước Trung Quốc lâm vào tình trạng hỗn loạn, suy thoái nhưng những tư tưởng quan trọng về giải phóng dân tộc, củng cố chính quyền cách mạng thì không thể phủ nhận được.

Lý luận Đặng Tiểu Bình về giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị, về nền kinh tế thị trường XHCN được tiếp tục hoàn thiện trong Đại hội XIV của Đảng năm 1992.

Cùng với những luận điểm quan trọng như “làm thử không tranh cãi”, “sai thì sửa” đã giải được bài toán của lịch sử CNXH là gì và xây dựng nó như thế nào. Đến Đại hội XV của Đảng năm 1997, lý luận Đặng Tiểu Bình chính thức được đưa vào cương lĩnh CNXH có đặc sắc Trung Quốc: “Một trung tâm; bốn trọng điểm; mười quan niệm” (Một trung tâm là học lý luận Đặng Tiểu Bình; bốn trọng điểm: Cơ sở lý luận, nhìn ra thế giới, tư duy chiến lược, tu dưỡng tính đảng; mười quan niệm: Thế giới quan, nhân sinh quan, giá trị quan, đạo đức quan, chủ quyền quan, nhân quyền quan, dân chủ quan, dân tộc quan, tôn giáo quan, văn hoá quan).

Thuyết “Ba đại diện” là của Giang Trạch Dân về “Xây dựng Đảng trong điều kiện cầm quyền” (sức sản xuất tiên tiến, văn hoá tiên tiến, đại diện lợi ích đa số nhân dân). Thuyết “Ba đại diện” mà Giang Trạch Dân là đại biểu, khẳng định sự thống nhất hữu cơ giữa kinh tế thị trường XHCN, chính trị dân chủ XHCN và văn hoá tiên tiến XHCN, là văn minh vật chất, văn minh chính trị và văn minh tinh thần XHCN phát triển toàn diện, là tiến trình thúc đẩy lẫn nhau. Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2002, thuyết Ba đại diện đã chính thức được bổ sung trong Cương lĩnh với tiêu đề “Giương cao ngọn cờ vĩ đại Đặng Tiểu Bình, quán triệt quan điểm tư tưởng quan trọng Ba đại diện”.

Phát triển quan khoa học của Hồ Cẩm Đào được xác định trong văn kiện Đảng tại Đại hội XVII năm 2007 (khoa học phát triển, xây dựng xã hội tiểu khang - khá giả).

Như vậy, ĐCS Trung Quốc đã coi việc phát triển tư tưởng của chủ nghĩa Mác trên đất nước mình qua 4 lần nhảy vọt. Con đường XHCN không đổi nhưng có sự thay đổi, bổ sung về lý luận qua các giai đoạn khác nhau để phù hợp với đất nước. Các đảng phái dân chủ không chỉ thừa nhận mà còn tích cực học tập chủ thuyết - hệ tư tưởng của ĐCS.

Thứ ba, các đảng phái dân chủ ở Trung Quốc hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ.

Từ sau Hội nghị Trung ương 3 khoá XI, đã hình thành nên đường lối cải cách, phương châm và chính sách xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc, trình bày rõ hơn những vấn đề cơ bản về xây dựng CNXH, củng cố và phát triển CNXH ở Trung Quốc. Các đảng phái dân chủ tiếp tục được khôi phục lại, tiến hành đại hội, thông qua điều lệ trên cơ sở lấy Điều lệ Hội Hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc làm cương lĩnh hành động của mỗi đảng phái. Theo đó “chế độ một đảng chính trị, đa đảng hợp tác” hay “một đảng chấp chính, đa đảng tham gia” được hoàn thiện về thể chế và phương châm hoạt động. Đó là tiêu chí “ba không”: Không dân chủ nghị viện, không tam quyền phân lập và không chấp nhận các đảng thay nhau cầm quyền. Vì thế, thể chế cầm quyền của Đảng cũng có nét riêng biệt: Không phải chế độ độc đảng cầm quyền, cũng không phải chế độ đa đảng đối lập mà là “chế độ một đảng chính trị, đa đảng hợp tác” hay “một đảng chấp chính, đa

đảng tham gia”. Các đảng phái đều tôn trọng nguyên tắc bình đẳng, độc lập, hiệp thương, giám sát, cơ cấu đa nguyên nhưng mục tiêu là thống nhất. Đây không chỉ là truyền thống mà còn là một vấn đề mang tính nguyên tắc, có ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín của ĐCS, là yêu cầu khách quan của việc thực hiện được mục tiêu CNXH, đồng thời tránh sự tụt hậu và bất ổn định.

Ngay từ tháng 9/1956, Đại hội VIII của ĐCS Trung Quốc đã đề ra phương châm hoạt động cho tất cả các đảng phái là: “Chung sống lâu dài, giám sát lẫn nhau”, đánh dấu sự thay đổi căn bản về quan hệ giai cấp ở Trung Quốc. Nhiệm vụ của các đảng phái dân chủ đã có những thay đổi, trở thành lực lượng chính trị phục vụ cho CNXH dưới sự lãnh đạo của ĐCS, loại bỏ lập trường giai cấp tư sản, xây dựng lập trường xã hội chủ nghĩa. Trong thời kỳ “Đại cách mạng văn hoá”, các đảng phái này ngừng hoạt động do bị công kích và những quy định thiếu đúng đắn làm cho các hoạt động bị đình trệ. Tháng 9-1982, tại Đại hội XII của ĐCS, phương châm hoạt động của tất cả các đảng phái được bổ sung thành 16 chữ: “Chung sống lâu dài, giám sát lẫn nhau, chân thành với nhau, vinh nhục cùng nhau”.

Các đảng phái Trung Quốc đều thừa nhận ĐCS Trung Quốc là hạt nhân lãnh đạo sự nghiệp xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc, thể hiện đặc trưng, bản chất của ĐCS với tư cách là đảng cầm quyền. Địa vị lãnh đạo đó được quyết định bởi tính chất của ĐCS và được hình thành qua

thử thách của cuộc đấu tranh lâu dài, là sự lựa chọn tất yếu của lịch sử và nhân dân và là yêu cầu khách quan của xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc. Tư tưởng chỉ đạo cơ bản và mục tiêu phấn đấu là xây dựng toàn diện xã hội khá giả, lấy Hiến pháp làm chuẩn mực và nguyên tắc căn bản, lấy nội dung trong Điều lệ Hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc làm cương lĩnh chung, kiên trì con đường XHCN, xây dựng Trung Quốc thành một cường quốc XHCN dân chủ cao độ, văn minh cao độ và thúc đẩy thống nhất Trung Quốc. Các đảng phái đều kiên trì cương lĩnh cơ bản và đường lối cơ bản của giai đoạn đầu đi lên CNXH đặc sắc Trung Quốc, bám sát nhiệm vụ trọng tâm của Đảng và Nhà nước để triển khai công tác, nỗ lực phấn đấu phục vụ cho đại cục là cải cách, phát triển và ổn định.

Thứ tư, mỗi đảng phái dân chủ ở Trung Quốc đều phát huy đầy đủ những ưu thế và đặc điểm của đảng tham chính, nghị chính.

Bản thân các đảng phái dân chủ đã sát cánh cùng ĐCS Trung Quốc tham gia vào phong trào dân chủ ở các vùng do Quốc dân đảng kiểm soát, phản đối nội chiến, chính sách độc tài của Quốc dân đảng, phấn đấu vì hoà bình, dân chủ. Sau khi giành được chính quyền, các đảng phái dân chủ lần lượt chuyển vào khu giải phóng theo lời mời của ĐCS, tham dự hội nghị hiệp thương chính trị nhân dân Trung Quốc tháng 9-1949, tiếp nhận toàn diện sự lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc về mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và được

thể hiện trong tất cả cương lĩnh của mình, đánh dấu sự hình thành của chế độ chính đảng ở Trung Quốc.

Các đảng phái dân chủ do chịu những ràng buộc có tính chất tự thân nên không thể lấy việc thực hiện chủ nghĩa cộng sản làm mục tiêu cao nhất, duy nhất và cuối cùng giống như ĐCS Trung Quốc. Nếu như phương diện này mà cũng giống như ĐCS Trung Quốc thì các đảng phái sẽ trở thành đội tiên phong của giai cấp công nhân hay trở thành chính đảng mang tính chất cộng sản và do đó các đảng phái này sẽ đánh mất đặc điểm riêng phong phú và giá trị tồn tại của mình.

Từ khi chế độ hợp tác đa đảng được xác lập, địa vị các chính đảng của Trung Quốc đã được xác định rõ những vai trò chính trị riêng. ĐCS Trung Quốc cầm quyền và các đảng phái khác cùng đảng cầm quyền hợp tác làm việc lâu dài, trở thành đảng tham chính hợp pháp. Đảng cầm quyền và các đảng phái dân chủ đều được pháp luật bảo vệ, đều có tự do chính trị, có tính độc lập, thực hiện cơ chế giám sát nội bộ.

Trong điều kiện hiện nay, khi các thành phần kinh tế phát triển mạnh, xuất hiện một số tầng lớp xã hội và nhóm lợi ích mới như lao động cá thể, chủ doanh nghiệp tư nhân, những người lập nghiệp và nhân viên kỹ thuật trong các doanh nghiệp dân doanh, công ty đầu tư nước ngoài và những người lao động tự do dần dần hình thành cục diện đa nguyên lợi ích. Những thành viên của các tầng lớp này đều có những quan hệ mật thiết với các đảng phái dân chủ, hoặc trong điều kiện mới để có

thể xuất hiện mối quan hệ với các đảng phái dân chủ và trở thành nền tảng xã hội mới của các đảng phái dân chủ. Cùng với công cuộc cải cách đi vào chiều sâu, tình trạng đa nguyên lợi ích ngày càng được tăng cường, các đảng phái dân chủ sẽ phát triển lớn mạnh hơn vừa tạo điều kiện tồn tại cho các đảng phái dân chủ vừa tạo điều kiện cho sự hợp tác đa đảng dưới sự lãnh đạo của ĐCS. Do vậy, chế độ hợp tác đa đảng cần phải có sự thích ứng hơn nữa với cục diện đa nguyên hoá lợi ích, đáp ứng sự bày tỏ lợi ích và tham gia chính trị của các chủ thể chính trị đa nguyên.

Là bộ phận cấu thành Mặt trận thống nhất do ĐCS Trung Quốc lãnh đạo, là liên minh chính trị của một bộ phận những người lao động XHCN và những người yêu nước, các đảng tham chính luôn và sẽ dốc sức cho công cuộc xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tập bài giảng Lớp bồi dưỡng kiến thức xây dựng Đảng khoá 2, Học viện Cán bộ Phố Đông Trung Quốc 12/5 – 12/7/2010 (trong Chương trình Dự án 165 của Ban Tổ chức Trung ương Đảng).

2. *Hội thảo lý luận giữa ĐCS Việt Nam và ĐCS Trung Quốc - Xây dựng Đảng cầm quyền kinh nghiệm của Việt Nam kinh nghiệm của Trung Quốc* (2004), Nxb Chính trị quốc gia.

3. Chu Kiếm Thanh (2010), *Nghiên cứu xây dựng Cương lĩnh ĐCS Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia.